



## MARKET LENS

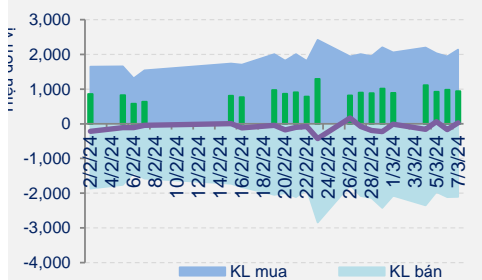
Phiên giao dịch ngày: 7/3/2024

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

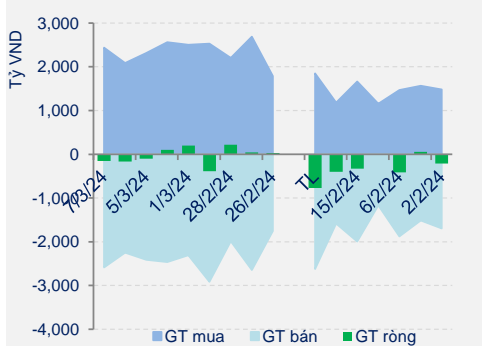
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,268.46	237.37
% Thay đổi	↑ 0.45%	↑ 0.82%
KLGD (CP)	940,807,809	149,592,548
GTGD (tỷ đồng)	25,017.76	2,903.55
Tổng cung (CP)	2,105,051,741	222,072,300
Tổng cầu (CP)	2,138,073,618	201,776,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	72,710,023	3,716,589
KL mua (CP)	77,886,261	6,954,117
GT mua (tỷ đồng)	2,438.78	152.72
GT bán (tỷ đồng)	2,589.03	91.21
GT ròng (tỷ đồng)	(150.24)	61.51

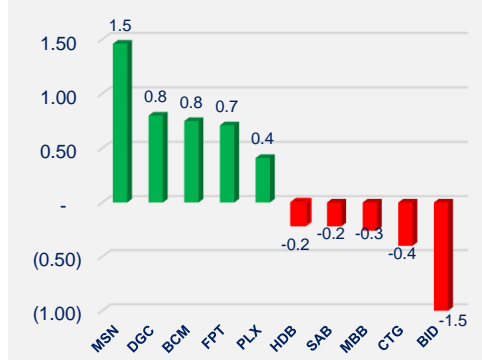
## Tương quan cung cầu HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



## Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau phiên chịu áp lực điều chỉnh ở quanh vùng kháng cự 1.280 điểm tương ứng vùng giá cao nhất tháng 09/2022, VN-INDEX đã phục hồi tốt trở lại ở vùng giá 1.260 điểm. Kết phiên VN-INDEX tăng 5,73 điểm (+0,45%) lên mức 1.268,46 điểm dưới ảnh hưởng luân chuyển tích cực trong nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, tiếp tục kiểm tra lại vùng giá cao nhất ngày 06/03/2023. HNX-INDEX tăng 1,91 điểm (+0,81%) lên mức 237,37 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về tích cực với mức độ phục hồi tốt sau phiên điều chỉnh khi có 357 mã tăng giá (22 mã tăng trần) 288 mã giảm giá (04 mã giảm sàn) và 149 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết đạt 27.910,42 tỷ đồng, tăng nhẹ so với phiên trước, trên mức trung bình. Khối lượng giao dịch trên VN-INDEX gần 01 tỷ cổ phiếu, cho thấy dòng tiền vẫn duy trì trong thị trường tốt, luân chuyển với mức độ phân hóa mạnh hơn, giá tăng nhiều ở các mã chưa tăng giá nhiều và nhóm thị phần thấp trong ngành chứng khoán. Khối ngoại gia tăng giao dịch, bán ròng phiên thứ ba liên tiếp trên HOSE với giá trị 150,24 tỉ đồng, trong đó bán ròng khá mạnh ở cổ phiếu VHM, VNM; mua ròng trở lại trên HNX với giá trị 61,51 tỉ đồng, tập trung ở nhóm cổ phiếu chứng khoán.

Ngày 07/03/2024 tại Canberra, Thủ tướng Việt Nam và Thủ tướng Australia thông báo nâng cấp quan hệ Việt Nam-Australia lên mức cao nhất - quan hệ Đối tác Chiến lược toàn diện sau hơn 50 năm quan hệ ngoại giao, 15 năm thiết lập quan hệ Đối tác Toàn diện và 6 năm quan hệ Đối tác Chiến lược. Nhân dịp này, các cơ quan chức năng của hai nước đã ký kết 11 văn kiện hợp tác quan trọng về quốc phòng, thương mại, năng lượng, giáo dục, khoa học-công nghệ, tư pháp...

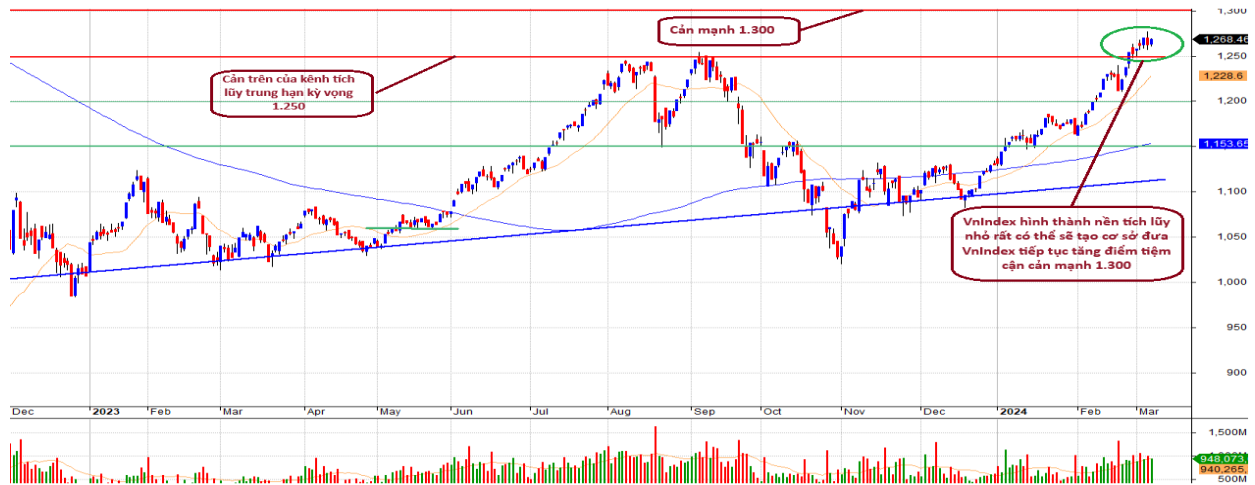
Thị trường tiếp tục xoay vòng ngắn hạn khá tốt sang các mã chưa tăng nhiều trong các nhóm ngành, thể hiện trong VN30 như bán lẻ với MSN (+5,07%), khu công nghiệp BCM (+4,23%), bảo hiểm BVH (+3,70%), dầu khí PLX (+3,45%)... trong khi các cổ phiếu ngân hàng đa số chịu áp lực điều chỉnh tích lũy, biến động trong biên độ hẹp, thanh khoản ở mức trung bình như BID (-2,02%), HDB (-1,28%), MSB (-0,97%)....

Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán tiếp tục có phiên giao dịch đột biến sau thông tin HoSE cho biết việc kết nối đã ổn định và hệ thống giao dịch trở lại bình thường sau sự cố trong phiên giao dịch chiều hôm qua. Nhiều cổ phiếu tiếp tục tăng giá mạnh vượt đỉnh gần nhất với thanh khoản đột biến, tập trung nhiều ở các mã chưa tăng nhiều, thị phần thấp nổi bật với BMS (+9,26%), PSI (+9,20%), EVS (+8,33%), VIG (+7,14%), TVS (+6,83%).... ngoài CTS (-0,55%), FTS (-0,49%).. chịu áp lực điều chỉnh sau khi tăng giá mạnh.

Các cổ phiếu bất động sản tiếp tục có diễn biến tương đối kém tích cực so với thị trường chung, mức độ phân hóa mạnh với LDG (+7,00%), VRC (+6,95%), NBB (+3,33%), TIG (+2,34%)... tăng giá tích cực ngoài ra HQC (-3,06%), HD6 (-1,09%), CSC (-1,03%)... chịu áp lực điều chỉnh. Thị trường vẫn duy trì nhiều mã/nhóm mã tăng giá vượt trội, thanh khoản đột biến như hóa chất DGC (+6,99%), CSV (+3,60%), phân bón BFC (+6,96%)... nông nghiệp VLC (+7,93%), PAN (+4,16%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2403 tăng 6,6 điểm (+0,52%), chênh lệch âm -3,16 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm 8,72% so với phiên trước, trên mức trung bình khi VN30 biến động mạnh. Xu hướng ngắn hạn kỳ hạn VN30F2403 vẫn duy trì tăng trưởng trên vùng hỗ trợ gần nhất quanh 1.265,7 điểm, giá cao nhất năm 2023, kháng cự mạnh gần nhất quanh 1.285 điểm. Các kỳ hạn VN30F2404, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ 0,24 điểm đến -1,56 điểm so với VN30. Mức chênh lệch thu hẹp, cho thấy các trader đang nghiêng về VN30 sẽ biến động trong biên độ hẹp.

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG**



Thị trường hồi phục ngay sau phiên điều chỉnh và vận động này đã được chúng tôi dự báo trong bản tin trước, chốt phiên VnIndex tăng +5,73 điểm (+0,45%) và đóng cửa ở 1.268,46 điểm. VnIndex đang có động lực tăng tốt đồng thời cũng hình thành nền tích lũy nhỏ làm nền tảng hỗ trợ chỉ số này tiếp tục tăng tiệm cận cán mạnh 1.300 điểm. Tuy nhiên nhịp tăng không được hỗ trợ bởi nền tích lũy đủ tin cậy nên chúng tôi không đánh giá cao khả năng VnIndex hình thành uptrend mạnh mẽ mà thiên về khả năng VnIndex sau khi kết thúc đã hưng phấn sẽ điều chỉnh trở lại kênh tích lũy 1.150 điểm - 1.250 điểm sau nhịp tăng này. Nhà đầu tư ngắn hạn nên thận trọng ở giai đoạn hiện tại bởi VnIndex đang vận động ở vùng điểm số cao trong kênh tích lũy trung hạn nên rủi ro ngắn hạn đang tăng lên.

Về góc nhìn trung hạn dù Vn-Index đang trong nhịp tăng mạnh nhưng nhịp tăng chưa đủ tin cậy do đó khả năng Vn-Index sẽ có điều chỉnh ngay cả khi chỉ số này tiệm cận cán mạnh 1.300 điểm. Chúng tôi cho rằng về trung hạn thị trường vẫn cần tích lũy đủ tốt và kênh tích lũy phù hợp sẽ là từ 1.150 điểm đến 1.250 hoặc 1.300 điểm.

Vn-Index đã hồi phục hôm nay và hình thành nền tích lũy nhỏ tích cực cho ngắn hạn đúng như chúng tôi dự báo, tuy nhiên giai đoạn hiện tại VnIndex đang vận động ở vùng trên của kênh tích lũy trung hạn dù động lực tăng vẫn còn nhưng rủi ro ngắn hạn tăng lên, chúng tôi không khuyến nghị nhà đầu tư ngắn hạn tham gia tích cực ở giai đoạn hiện tại dù VnIndex có những phiên tăng điểm trong ngắn và có thể vẫn tiệm cận cán mạnh 1.300 điểm. Với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đang vận động trong nhịp tăng của kênh tích lũy nhưng đã tiệm cận cản trên nên rủi ro cũng đang tăng lên khi Vn-Index bắt đầu rung lắc khi gặp cản mạnh 1.250 điểm, nhà đầu tư trung dài hạn nếu bám sát các bản tin của chúng tôi thì gần như đã cơ cấu xong danh mục ổn định và ở vùng điểm số hiện tại cơ hội giải ngân trung dài hạn không còn nhiều và không hấp dẫn, do đó chúng tôi không khuyến nghị giải ngân ở giai đoạn hiện tại mà nên chờ đợi thị trường bước vào nhịp giảm ngắn hạn.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

7/3/2024

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
PVD	31.60	27.5-28.3	31-32	26	30.3	19.8%	262.1%	Theo dõi giải ngân
VRE	26.00	24-25.5	29-30	22	13.4	12.4%	35.0%	Theo dõi giải ngân
BWE	44.00	42.5-43.5	50-52	40	12.6	8.1%	-13.6%	Theo dõi giải ngân
SAB	60.60	59.5-60.5	69-71	56	18.9	-15.0%	-9.3%	Theo dõi giải ngân
PVS	37.90	37-37.8	44-45	35	20.9	27.9%	-44.8%	Theo dõi giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	33.00	22.3	31-32	30	48.0%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	55.10	45.1	56-58	54	22.2%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	31.60	27.55	32-33	30	14.7%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	22.45	18.09	23-24	21	24.1%	Nắm giữ



## TIN VĨ MÔ

**Giá xăng, dầu đồng loạt giảm**

Mỗi lít xăng giảm 240-370 đồng, các mặt hàng dầu (trừ mazut) cũng hạ 180-300 đồng tùy loại, từ 15h hôm nay. Theo điều hành của liên Bộ Công Thương - Tài chính hôm nay, giá xăng RON 95-III (loại phổ biến trên thị trường) giảm 370 đồng, về 23.550 đồng một lít; E5 RON 92 hạ 240 đồng, còn 22.510 đồng một lít. Tương tự, các mặt hàng dầu cũng giảm giá (trừ mazut) và có giá mới 20.470-20.600 đồng một lít so với cách đây 7 ngày.

**Gần 60.000 tỷ đồng vốn đầu tư công 'bơm' ra nền kinh tế**

Bộ Tài chính cho biết, trong 2 tháng đầu năm đã có gần 60.000 tỷ đồng vốn đầu tư công được giải ngân. Mức giải ngân vốn này cao hơn so với cùng kỳ năm 2023. Bộ Tài chính vừa công bố báo cáo giải ngân vốn đầu tư công 2 tháng đầu năm với nhiều khởi sắc. Cả tổng vốn giải ngân và tỷ lệ giải ngân đều cao hơn so với cùng kỳ năm trước. Năm nay, tổng kế hoạch vốn đầu tư công Chính phủ giao bộ ngành, cơ quan trung ương và địa phương gần 660.000 tỷ đồng. Trong đó, kế hoạch bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm 92.900 tỷ đồng, vốn bố trí cho chương trình mục tiêu quốc gia 27.220 tỷ đồng.

**Tuyên bố chung về việc nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược toàn diện giữa Việt Nam và Australia**

Ngày 7/3, trong chuyến thăm chính thức Australia của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính theo lời mời của Thủ tướng Australia Anthony Albanese, hai bên đã ra Tuyên bố chung về việc nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược Toàn diện. Với việc tuyên bố quan hệ Đối tác Chiến lược toàn diện, Chính phủ hai nước cam kết tiếp tục phát triển quan hệ trên tất cả các lĩnh vực và thúc đẩy mối quan hệ được nâng cấp trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế, chủ quyền, độc lập, toàn vẹn lãnh thổ, tôn trọng hệ thống chính trị của mỗi nước.

**Bộ trưởng Tài chính Hồ Đức Phớc: "Mục tiêu nâng kim ngạch thương mại Việt - Hàn lên 150 tỷ USD vào năm 2030"**

Ngày 07/3/2024, tại Thủ đô Seoul, Hàn Quốc, Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư với chủ đề "Việt Nam – Điểm đến đầu tư". Bộ trưởng Bộ Tài chính Hồ Đức Phớc tham dự và chủ trì Hội nghị. Bộ trưởng Bộ Tài chính Hồ Đức Phớc và Lãnh đạo Ủy ban Giám sát Tài chính Hàn Quốc, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Vũ Thị Chân Phương và Chủ tịch Hiệp hội Đầu tư Tài chính Hàn Quốc Yoo Seok Seo đã ký kết Biên bản Ghi nhớ về Tư vấn, Hợp tác và hỗ trợ kỹ thuật giữa Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Hiệp hội Đầu tư Tài chính Hàn Quốc (KOFIA).

**TIN DOANH NGHIỆP****Viglacera ước lãi trước thuế đạt 14% kế hoạch trong 2 tháng đầu năm**

Ngày 05/03 vừa qua, VGC tổ chức cuộc họp đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh 2 tháng đầu năm với những dấu hiệu khởi sắc. Lũy kế 2 tháng đầu năm, Viglacera cho biết đã hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế hợp nhất, ước đạt 14% kế hoạch năm và vượt 128% so với cùng kỳ. Theo kế hoạch kinh doanh 2024 tạm thời của VGC, mục tiêu lãi trước thuế cả năm là 1,216 tỷ đồng, ước tính VGC lãi trước thuế khoảng 170 tỷ đồng trong 2 tháng đầu năm. Doanh thu ước đạt 67% kế hoạch quý 1/2024 và đạt 91% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu từ công tác xuất khẩu tháng 2/2024 ước đạt 2.8 triệu USD. Lũy kế 2 tháng đạt 5.5 triệu USD và vượt 18% so với cùng kỳ.

**HAG thu 630 tỷ từ cây ăn trái trong 2 tháng đầu năm**

CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HOSE: HAG) vừa có báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2 tháng đầu năm 2024 với doanh thu thuần đạt 1,043 tỷ đồng, tương đương cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành cây ăn trái mang về 630 tỷ đồng, chăn nuôi mang về 201 tỷ đồng và ngành phụ trợ 212 tỷ đồng. Về sản lượng, trong 2 tháng đầu năm, ngành cây ăn trái tiêu thụ được 74,459 tấn, còn ngành chăn nuôi là 40,288 con heo thịt. HAG cũng cho biết doanh thu có thể tăng đột biến vào quý 3 và quý 4 khi chính thức khai thác một phần diện tích sầu riêng. Cụ thể, sầu riêng trồng tại Việt nam (thu vụ chính) sẽ có doanh thu vào tháng 8-9 và tại Lào (thu trái vụ) sẽ có doanh thu vào tháng 10-12.

**SVI lãi cao nhất từ khi về tay doanh nghiệp Thái, kế hoạch lãi 2024 tăng 16%**

Sau 3 năm TCG Solutions Pte. Ltd (Thái Lan) thuê lại CTCP Bao bì Biên Hòa (HOSE: SVI), 2023 là năm có lãi ròng cao nhất của doanh nghiệp này. Năm 2023, SVI ghi nhận doanh thu thuần hơn 1,505 tỷ đồng, giảm 20% so với năm trước; trong đó sản lượng bao bì Carton và Offset đạt 74,288 tấn, giảm 11%. Tuy nhiên, lãi ròng 2023 đạt hơn 132 tỷ đồng, tăng 14%. Đây là năm SVI có lãi ròng cao nhất từ khi về tay doanh nghiệp Thái Lan vào cuối năm 2020. Với kết quả trên, SVI thực hiện được 68% kế hoạch doanh thu và 99% chỉ tiêu lãi trước thuế 2023.

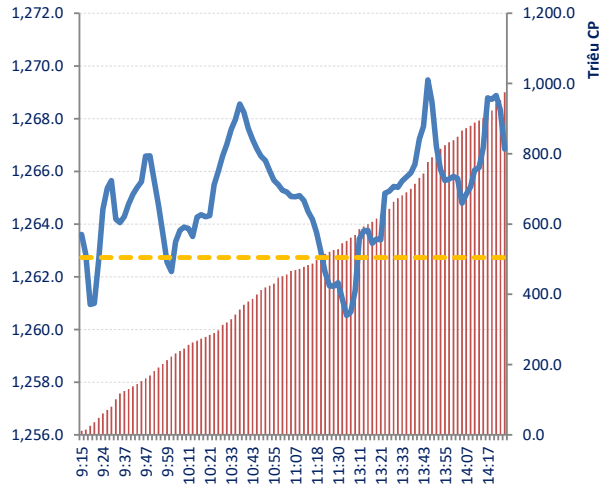
**TDM Water dự báo lợi nhuận năm 2024 giảm 32%**

Năm nay, TDM Water dự báo cả doanh thu và lợi nhuận đều giảm so với kết quả năm ngoái, trong đó doanh thu từ mảng nước kỳ vọng tăng 5%. Ngày 28/3 tới đây, CTCP Nước Thủ Dầu Một (TDM Water - Mã: TDM) sẽ tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 tại Hội trường công ty, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương. Ngày đăng ký cuối cùng là 12/3. Theo tài liệu công bố, năm nay công ty đặt mục tiêu tổng doanh thu gần 520 tỷ đồng, giảm 21% so với thực hiện năm ngoái. Tỷ lệ chia cổ tức năm nay có thể bằng hoặc cao hơn mức 14% của năm 2023 (1.400 đồng/cp).

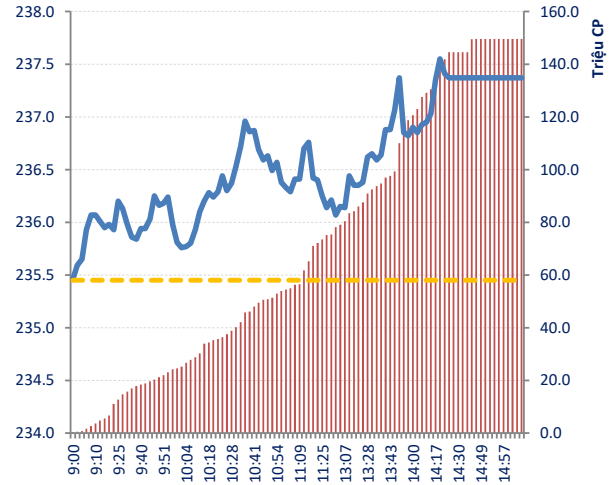


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

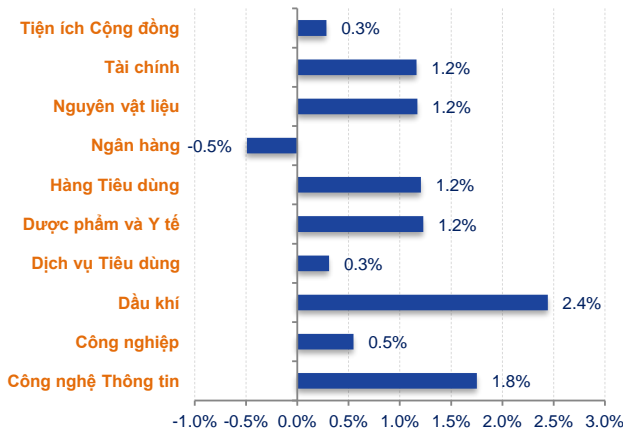
KLGD và VN-Index trong phiên



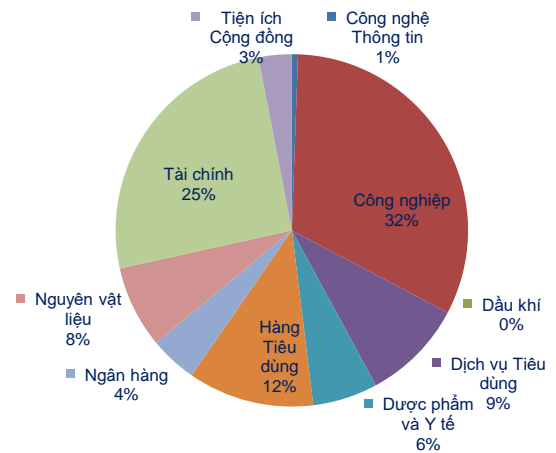
KLGD và HNX-Index trong phiên



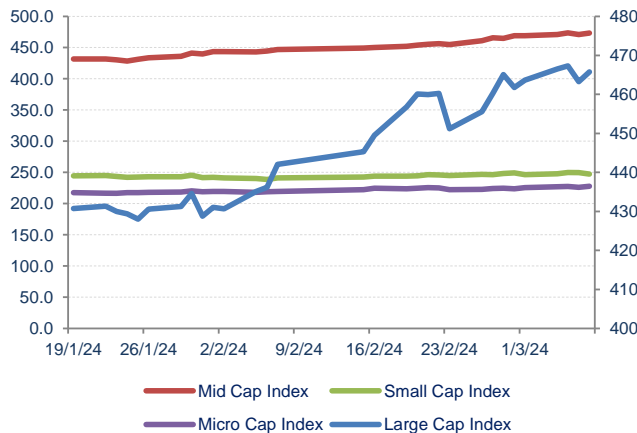
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



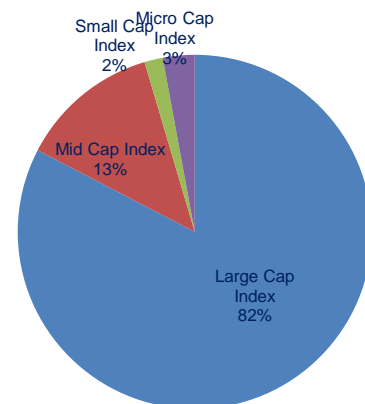
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VIX	16,240,900	FUEVFVND	5,260,200	1	SHS	3,696,190	CEO	148,300
2	SSI	2,169,800	DIG	2,769,000	2	VGS	146,400	BVS	109,200
3	VRE	1,678,900	VNM	2,140,600	3	IDC	113,429	TIG	93,280
4	LDG	1,286,100	VHM	2,055,800	4	TNG	79,700	DTD	79,900
5	VND	1,152,400	HPG	1,529,800	5	IDJ	54,120	DHT	79,600

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	18.70	19.80	↑ 5.88%	72,191,400	SHS	17.80	18.70	↑ 5.06%	62,656,749
VND	23.00	23.50	↑ 2.17%	39,361,800	PVS	37.50	37.90	↑ 1.07%	11,763,285
SSI	37.10	37.70	↑ 1.62%	34,155,203	CEO	22.00	22.30	↑ 1.36%	10,001,219
HPG	30.80	31.00	↑ 0.65%	33,396,039	MBS	29.00	29.20	↑ 0.69%	5,459,637
DIG	27.15	27.35	↑ 0.74%	28,910,200	HUT	18.90	18.80	↓ -0.53%	4,994,120

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LDG	3.00	3.21	0.21	↑ 7.00%	HMR	12.10	13.30	1.20	↑ 9.92%
DGC	113.00	120.90	7.90	↑ 6.99%	CMC	6.10	6.70	0.60	↑ 9.84%
CKG	20.75	22.20	1.45	↑ 6.99%	SDC	8.20	9.00	0.80	↑ 9.76%
BFC	27.30	29.20	1.90	↑ 6.96%	APS	6.20	6.80	0.60	↑ 9.68%
VRC	8.63	9.23	0.60	↑ 6.95%	MCO	22.80	25.00	2.20	↑ 9.65%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BKG	5.30	4.93	-0.37	↓ -6.98%	HHC	91.50	82.40	-9.10	↓ -9.95%
NO1	9.65	8.98	-0.67	↓ -6.94%	CAN	55.40	49.90	-5.50	↓ -9.93%
BMC	21.70	20.20	-1.50	↓ -6.91%	MVB	23.20	20.90	-2.30	↓ -9.91%
RDP	8.68	8.10	-0.58	↓ -6.68%	DPC	10.50	9.50	-1.00	↓ -9.52%
FDC	13.90	13.00	-0.90	↓ -6.47%	ATS	13.00	11.80	-1.20	↓ -9.23%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	72,191,400	11.6%	1,444	13.0	1.4
VND	39,361,800	13.0%	1,657	13.9	1.7
SSI	34,155,203	10.1%	1,531	24.2	2.4
HPG	33,396,039	6.9%	1,175	26.2	1.7
DIG	28,910,200	2.2%	283	95.9	2.1

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	62,656,749	5.7%	688	25.9	1.4
PVS	11,763,285	6.6%	1,812	20.7	1.3
CEO	10,001,219	3.1%	408	53.9	1.8
MBS	5,459,637	12.3%	1,334	21.7	2.5
HUT	4,994,120	0.6%	82	230.8	1.5

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
LDG	↑ 7.0%	-12.3%	(1,461)	-	0.3
DGC	↑ 7.0%	27.1%	8,163	13.8	3.6
CKG	↑ 7.0%	12.2%	1,621	12.8	1.4
BFC	↑ 7.0%	11.3%	2,595	10.5	1.2
VRC	↑ 7.0%	0.0%	4	2,183.8	0.3

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HMR	↑ 9.9%	8.5%	1,171	10.3	0.9
CMC	↑ 9.8%	3.1%	415	14.7	0.4
SDC	↑ 9.8%	3.4%	698	11.8	0.4
APS	↑ 9.7%	-20.2%	(2,072)	-	0.7
MCO	↑ 9.6%	0.6%	80	286.0	1.8

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	16,240,900	11.6%	1,444	13.0	1.4
SSI	2,169,800	10.1%	1,531	24.2	2.4
VRE	1,678,900	12.4%	1,940	13.3	1.6
LDG	1,286,100	-12.3%	(1,461)	-	0.3
VND	1,152,400	13.0%	1,657	13.9	1.7

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	3,696,190	5.7%	688	25.9	1.4
VGS	146,400	6.1%	1,090	23.2	1.4
IDC	113,429	22.6%	4,221	13.6	3.0
TNG	79,700	12.9%	1,988	11.1	1.3
IDJ	54,120	5.8%	671	8.9	0.5

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	534,317	21.7%	5,910	16.2	3.2
BID	310,104	19.0%	3,781	14.4	2.5
CTG	193,857	17.0%	3,723	9.7	1.5
VHM	187,673	20.0%	7,607	5.7	1.0
GAS	183,969	18.4%	5,053	15.9	2.8

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	18,909	22.6%	4,221	13.6	3.0
PVS	17,924	6.6%	1,812	20.7	1.3
HUT	16,868	0.6%	82	230.8	1.5
SHS	14,474	5.7%	688	25.9	1.4
THD	13,398	3.0%	470	74.1	2.2

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
FCN	2.50	-0.3%	(68)	-	0.7
GEX	2.46	1.6%	388	58.7	0.9
CTS	2.42	9.6%	1,261	28.9	2.7
VIX	2.35	11.6%	1,444	13.0	1.4
AGR	2.30	5.9%	679	28.1	1.6

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

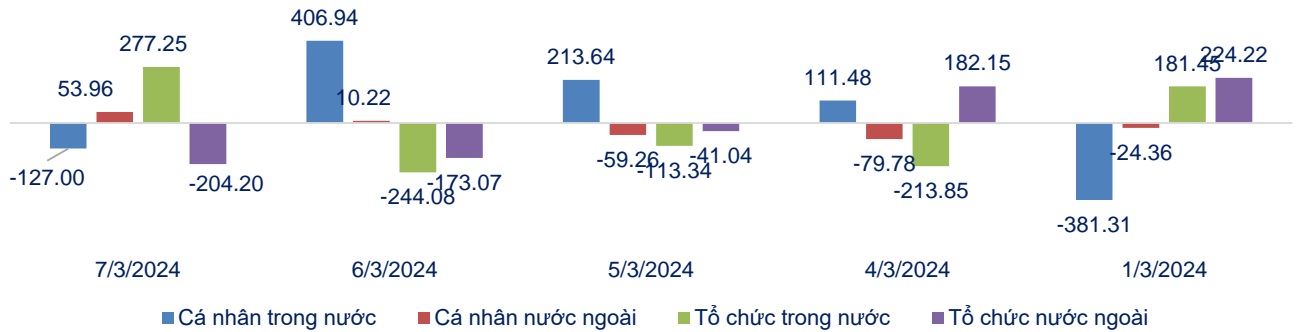
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	2.83	5.4%	758	16.2	1.1
SHS	2.36	5.7%	688	25.9	1.4
VIG	2.29	9.6%	685	12.3	1.1
C69	2.21	1.2%	156	48.8	0.6
DTD	2.18	19.5%	4,328	6.5	1.1





THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	109.11	20.0%	7,607	5.7	1.0
VNM	91.65	26.2%	4,248	16.9	4.3
DIG	71.93	2.2%	283	95.9	2.1
TCB	67.39	14.7%	5,118	8.4	1.1
SAB	64.81	16.4%	3,210	19.1	3.1

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	-294.28	11.6%	1,444	13.0	1.4
MSN	-85.79	1.1%	293	262.1	2.9
DGC	-79.78	27.1%	8,163	13.8	3.6
EVF	-61.65	5.1%	748	24.6	1.5
SSI	-51.92	10.1%	1,531	24.2	2.4

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	55.37	23.4%	5,105	21.4	4.6
DGC	5.48	27.1%	8,163	13.8	3.6
BWE	5.15	14.2%	3,496	12.4	1.7
AGR	4.03	5.9%	679	28.1	1.6
STB	3.42	18.3%	4,094	7.7	1.3

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-12.03	17.0%	3,723	9.7	1.5
VIX	-6.94	11.6%	1,444	13.0	1.4
MSN	-4.63	1.1%	293	262.1	2.9
VND	-2.90	13.0%	1,657	13.9	1.7
MSB	-2.83	16.0%	2,322	6.7	1.0

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFNVD	149.34	N/A	N/A	N/A	N/A
MSN	92.71	1.1%	293	262.1	2.9
VNM	61.67	26.2%	4,248	16.9	4.3
EVF	46.78	5.1%	748	24.6	1.5
STB	40.51	18.3%	4,094	7.7	1.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	-67.39	14.7%	5,118	8.4	1.1
VCI	-42.45	7.1%	1,127	42.2	2.8
GMD	-35.82	25.2%	7,333	10.7	2.5
MSB	-35.45	16.0%	2,322	6.7	1.0
SSI	-29.75	10.1%	1,531	24.2	2.4

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

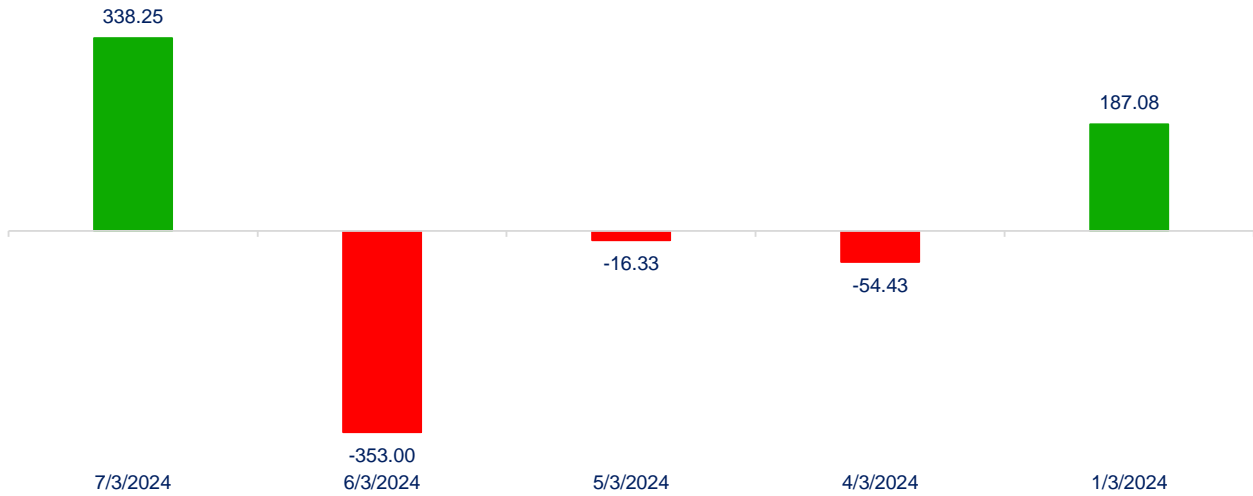
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	304.99	11.6%	1,444	13.0	1.4
DGC	90.52	27.1%	8,163	13.8	3.6
SSI	81.29	10.1%	1,531	24.2	2.4
VCI	45.89	7.1%	1,127	42.2	2.8
VRE	43.41	12.4%	1,940	13.3	1.6

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

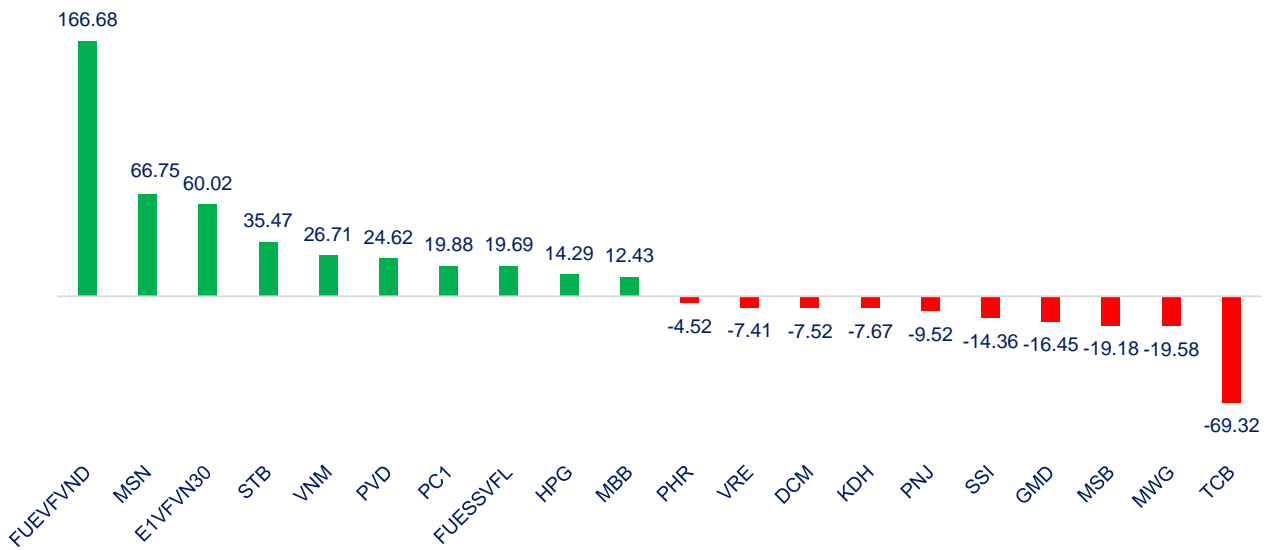
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFNVD	-157.55	N/A	N/A	N/A	N/A
VNM	-153.78	26.2%	4,248	16.9	4.3
VHM	-89.10	20.0%	7,607	5.7	1.0
DIG	-75.15	2.2%	283	95.9	2.1
SAB	-72.34	16.4%	3,210	19.1	3.1



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

#### Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)